TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HIỆP HÒA** **TỈNH BẮC GIANG** Bản án số: 43/2024/HNGĐ-ST Ngày 16/8/2024 *V/v "Tranh chấp Ly hôn, con chung"*	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HÒA, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Sự

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Ngọc Trứ

Ông Trương Đức Lâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thi Kim Chi- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện VKSND huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đ - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 131/2024/TLST - HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2024/QĐST-HNGĐ ngày 22/7/2024 giữa các đương sự;

- Nguyên đơn: *Chị Lê Thị M, sinh năm 1987 (có mặt)*

NĐKHKTT: Thôn S, xã Đ, huyện H, tỉnh Bắc Giang.

Nơi ở hiện nay: Thôn H, xã H, huyện H, tỉnh Bắc Giang.

- Bị đơn: *Anh Nguyễn Phi C, sinh năm 1984 (có mặt)*

Địa chỉ: Thôn S, xã Đ, huyện H, tỉnh Bắc Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn xin ly hôn, bản tự khai, nguyên đơn chị Lê Thị M trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với anh C vào năm 2009, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện H, tỉnh Bắc Giang. Chị và anh C kết hôn tự nguyện, có tìm hiểu nhau trước khi kết hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống với nhau ngay. Trong quá trình chung sống thì cuộc sống vợ chồng sống bình thường, sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do bản thân anh C ham chơi cờ bạc dẫn đến nợ, tình cảm vợ chồng dạn nứt. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 3 năm 2024 cho đến nay, trong thời gian vợ chồng sống ly thân thì anh C có gọi về đoàn tụ nhưng chị không về. Năm 2022, bản thân anh C đã bị xử về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" xử phạt 15 tháng tù giam, đã chấp hành án xong. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, xin được ly hôn anh C.

- Về con chung: Chị xác định có 03 con chung là cháu Nguyễn Thị Thanh T, sinh ngày 15/11/2009, cháu Nguyễn Thị Quỳnh N, sinh ngày 19/09/2011, cháu Nguyễn Phi T1, sinh ngày 26/9/2015, hiện nay con chung đang ở với anh chị, sức

khỏe các con chung phát triển tốt. Khi ly hôn thì chị xin nuôi cả 3 con chung, không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay chị đang làm công nhân điện tử ở công ty H ở xã M, thu nhập trung bình khoảng 10 triệu đồng/1 tháng. Chị đảm bảo đủ điều kiện về thời gian chăm sóc và kinh tế để nuôi dưỡng cả 3 con chung.

- Về tài sản chung, quyền và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị không yêu cầu xem xét, giải quyết.

Tại phiên tòa chị M có mặt, giữ nguyên yêu cầu của mình. Chị xác định vợ chồng sống ly thân từ tháng 12 năm 2023 nhưng vẫn ở chung nhà, đến tháng 3 năm 2024 thì chị về nhà bố mẹ đẻ ở hẳn cho đến nay. Chị xin nuối cả 3 con chung, không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con, tài sản, nghĩa vụ chung về tài sản chị không yêu cầu giải quyết.

*Bị đơn anh C trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh đồng ý với phần trình bày của chị M về thời gian kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn, thời gian sống ly thân. Anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, chị M xin ly hôn thì anh không đồng ý.

-Về con chung: Anh xác định có 03 con chung như chị M trình bày là đúng. Khi ly hôn anh xin được nuôi cả 03 con chung, không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, quyền và nghĩa vụ chung về tài sản: Anh C không yêu cầu xem xét, giải quyết.

Tại phiên tòa, anh C có mặt. Về tình cảm anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, nếu chị M vẫn cương quyết xin ly hôn thì anh không có ý kiến gì, về con chung anh xin nuôi cả 3 con chung, tài sản, nghĩa vụ chung về tài sản anh không yêu cầu giải quyết.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án.

- Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình. Điều 147; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị M được ly hôn anh Nguyễn Phi C.

2. Về con chung: giao cháu Nguyễn Thị Thanh T, sinh ngày 15/11/2009, cháu Nguyễn Thị Quỳnh N, sinh ngày 19/09/2011, cháu Nguyễn Phi T1, sinh ngày 26/9/2015 cho chị Lê Thị M tiếp tục nuôi dưỡng.

Vấn đề cấp dưỡng chị M không yêu cầu nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

3. Về công nợ, tài sản chung: Chị M và anh C không yêu cầu, nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị M phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0004007 ngày 24/6/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị M đã nộp đủ.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Ngày 24 tháng 6 năm 2024, Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa thụ lý vụ án theo đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị M xin ly hôn anh Nguyễn Phi C có nơi cư trú tại địa bàn huyện H là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự;

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị M và anh Nguyễn Phi C xác lập quan hệ hôn nhân là tự nguyện, hai bên đủ điều kiện kết hôn theo quy định của luật hôn nhân và gia đình, có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện H ngày 25/3/2022, làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng là hôn nhân hợp pháp (Theo Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình). Qua xác minh tại địa phương và căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ, Hội đồng xét xử, xét thấy chị M và anh C sau khi về chung sống thì thời gian đầu chung sống hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn cho đến nay, nguyên nhân do bản thân anh C không tu chí làm ăn, bản thân anh đã bị xử về tàng trữ trái phép chất ma túy, dẫn đến tình cảm vợ chồng dạn nứt. Khi xảy ra mâu thuẫn đã được gia đình hai bên và vợ chồng tự hòa giải nhưng không thành, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 12 năm 2023 cho đến nay, hai bên không còn quan tâm đến với nhau. Bản thân anh C không đồng ý ly hôn nhưng lại không có biện pháp cải thiện tình cảm vợ chồng, bản thân chị M đã cho anh nhiều cơ hội sửa chữa nhưng anh không thay đổi. Nay chị M xác định tình cảm vợ chồng không còn và có đơn xin ly hôn anh C. Như vậy, xét thấy mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung của chị M và anh C không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị M là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị Lê Thị M và anh Nguyễn Phi C có 03 con chung là cháu Nguyễn Thị Thanh T, sinh ngày 15/11/2009, cháu Nguyễn Thị Quỳnh N, sinh ngày 19/09/2011, cháu Nguyễn Phi T1, sinh ngày 26/9/2015. Khi ly hôn, thì chị M và anh C đều có nguyện vọng nuôi cả 3 con chung và đều không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Xét về điều kiện thời gian chăm sóc, kinh tế của hai bên và để đảm bảo cuộc sống ổn định của các con chung hiện nay cả 3 con chung đang ở với chị M và xét theo nguyện vọng của các con chung đều xin được ở với chị M, nên cần giao cả 03 con chung cho chị M tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị M và anh C không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Chị M xác định hiện nay thuộc hộ nghèo, nhưng chị M không cung cấp được giấy chứng nhận hộ nghèo và tại phiên tòa chị xin tự nguyện chịu án phí 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0004007 ngày 24/6/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị M đã nộp đủ

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 - Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Điểm a khoản 5; khoản 6 - Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị M được ly hôn anh Nguyễn Phi C.

2. Về con chung: giao cháu Nguyễn Thị Thanh T, sinh ngày 15/11/2009, cháu Nguyễn Thị Quỳnh N, sinh ngày 19/09/2011, cháu Nguyễn Phi T1, sinh ngày 26/9/2015 cho chị Lê Thị M tiếp tục nuôi dưỡng.

Vấn đề cấp dưỡng chị M không yêu cầu nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

3. Về công nợ, tài sản chung: Chị M và anh C không yêu cầu, nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị M phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0004007 ngày 24/6/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị M đã nộp đủ.

5. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

7.Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Hiệp Hòa;
- CCTHADS huyện Hiệp Hòa;
- UBND xã Đồng Tân;
- Các đương sự;
- Lưu hs.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Sự